

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tại Sở Tài chính tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch số 3993/KH-UBND về kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2030.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tại cơ quan giai đoạn 2021 - 2030, quán triệt đến các phòng thuộc Sở Tài chính và công chức, người lao động của Sở Tài chính triển khai thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cải cách hành chính phải vì lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan, của từng phòng chuyên môn và của từng, công chức Sở Tài chính.

2. Các nhiệm vụ, nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và của Sở Tài chính. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, các phòng thuộc Sở trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 06 nội dung: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: (1) Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và sự phát triển đất nước; (3) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, hợp pháp; triển khai kịp thời văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương; xây dựng, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh.

b) Nhiệm vụ

- Cần chức các phòng thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Sở đã tham mưu cấp thẩm quyền ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ những quy định không phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; kịp thời triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để công chức, người lao động cơ quan và Nhân dân biết, thực hiện.

- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phân biện và giám sát thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu:

Cải cách quyết liệt, hiệu quả thủ tục hành chính nội bộ tại cơ quan; rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trong đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ 100% thủ tục hành chính mức độ 3 và 4 đủ điều kiện được tích hợp, cung

cấp trên Công dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ 100% thủ tục hành chính mức độ 3 và 4 đủ điều kiện được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, địa giới hành chính, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện để đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; đề xuất loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; đề xuất tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không cần thiết, không hợp lý. Tổ chức triển khai có kết quả

Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu:

Tiếp tục hoàn thành việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan theo các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đến năm 2025:

+ Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- *Đến năm 2025:*

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- *Đến năm 2030:*

Có 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ

- Kịp thời triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản, quy định mới về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu và phù hợp thực tế của địa phương, đơn vị.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tiếp tục thí điểm, hướng đến triển khai trên diện rộng việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Nâng cao chất lượng, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; từng bước lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ đảm bảo phù hợp thực tế của địa phương, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- *Đến năm 2025:*

Có tối thiểu khoảng 05% đến 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư⁽¹⁾.

- *Đến năm 2030:*

¹ Dự kiến thực hiện đến năm 2025 là 5 đơn vị (55 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác x 10 %)

Phân đầu giảm bình quân khoảng 10% đến 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021- 2025.

b) Nhiệm vụ

- Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính. Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả; đảm bảo cơ cấu chi ngân sách nhà nước vững chắc theo hướng điều chỉnh giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa, trong đó: rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

- Chuyển đổi và từng bước nâng mức độ tự chủ chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng mục tiêu đề ra.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Mục tiêu

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền.

+ 80% các hệ thống thông tin của ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không phải cung cấp lại.

+ Hoàn thiện kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Triển khai, nhân rộng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc: phần đầu trên 50% cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*) đạt 100%.

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

+ Triển khai, nhân rộng hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc: phần đầu tối thiểu 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống này đối với các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b) Nhiệm vụ

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử các cấp phù hợp với đặc thù địa phương⁽²⁾, đảm bảo ít nhất 60% cấp xã, 100% cấp huyện đủ điều kiện xếp hạng mức độ chính quyền điện tử.

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng và phát triển các nền tảng chính quyền điện tử phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử 2.0 và cập nhật theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Tăng cường triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn thông tin; thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho

² Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1231/UBND-KGVX ngày 26 tháng 4 năm 2021 về nâng cao hiệu quả thực hiện Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 trên địa bàn tỉnh.

các hệ thống thông tin thuộc trách nhiệm quản lý để kịp thời khắc phục các lỗi hỏng, nguy cơ mất an toàn thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Ưu tiên việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa các cấp; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

- Có giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ cá nhân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm cá nhân, tổ chức phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên mạng thông tin điện tử hành chính của các cơ quan nhà nước trên Internet. Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản và cải cách thủ tục hành chính.

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện đảm bảo phát huy hiệu quả hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện trong việc tham gia họp trực tuyến với Trung ương và tổ chức các cuộc họp trực tuyến của các ngành và cấp huyện, cấp xã.

- Phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, Hệ thống phần mềm cơ sở phục vụ công tác chuyên ngành, công tác chỉ đạo điều hành; Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Hoàn thiện việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Hướng dẫn xây dựng, đôn đốc triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch cải cách hành chính nhà nước hàng năm.

- Tiếp tục triển khai đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước hàng năm đối các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, chú trọng công tác hậu kiểm, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kế hoạch này phổ biến, quán triệt đến tất cả công chức, người lao động thuộc Sở Tài chính biết, triển khai thực hiện có chất lượng, hiệu quả. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

1. Văn phòng Sở: chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch công tác, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để thực hiện tại cơ quan, gửi về Sở Nội vụ chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm trước liền kề năm kế hoạch để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá;

2. Các phòng chuyên môn: phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; Tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm theo định mức quy định, trong đó bao gồm kinh phí thực hiện cải cách hành chính; Hướng dẫn các đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức thực hiện tốt lĩnh vực về *Cải cách tài chính công* của Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Nội vụ ban hành;

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tại Sở Tài chính tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Công chức, người lao động STC (thực hiện);
- Trang Thông tin điện tử STC (đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

U Thị Thanh